

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ  
MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2015**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 58
PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP CÁC Ý KIẾN KIỂM TOÁN NGOẠI TRÙ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2015 CỦA CÁC CÔNG TY CON	59 - 62

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - Công ty TNHH (sau đây được gọi là “Tổng Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

### **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Thành viên**

Ông Bùi Quang Chuyên	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01/01/2015
Ông Trần Ngọc Hà	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01/01/2015
Ông Nguyễn Văn Khôi	Thành viên	Nghỉ hưu từ ngày 01/7/2016
Ông Trịnh Quang Dũng	Thành viên	
Ông Ngô Văn Tuyên	Thành viên	

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trần Ngọc Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2015
Ông Lâm Chí Quang	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/01/2015
Ông Nguyễn Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc	Nghỉ hưu từ ngày 01/7/2016
Ông Trịnh Quang Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Ngô Văn Tuyên	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hồ Mạnh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/04/2016
Ông Vũ Quang Tâm	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/04/2016
Ông Vũ Từ Công	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/5/2016

#### **Kế toán trưởng**

Kế toán trưởng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến ngày 01/5/2016 là Ông Vũ Từ Công. Ngày 01/05/2016, ông Trần Anh Sơn được bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng phòng Tài chính kế toán của Tổng Công ty.

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng, ngoài nội dung đã nêu tại Thuyết minh số 33 trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA (UHY ACA LTD).

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Trần Ngọc Hà**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2016

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - Công ty TNHH**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - Công ty TNHH (sau đây được gọi là “Tổng Công ty”) được lập ngày 22/07/2016, từ trang 07 đến trang 59 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Tại ngày 30/06/2015, Tổng Công ty đã thực hiện ghi nhận kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá theo Quyết định số 5316/QĐ - BCT ngày 01/06/2015 của Bộ Công Thương về việc “Xác định giá trị Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam thuộc Bộ Công Thương để Cổ phần hoá” vào sổ sách kế toán năm 2015. Đến ngày 05/04/2016, Tổng Công ty được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hoá (theo Quyết định 5621/QĐ - TTg ngày 05/04/2016 của Thủ tướng Chính phủ). Theo quy định tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần”, thời điểm ghi nhận kết quả xác định giá trị doanh nghiệp vào Báo cáo tài chính là khi Tổng Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần. Theo đó, việc ghi nhận như trên đã làm tăng tổng Tài sản và tổng Nguồn vốn trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 của Tổng Công ty lên cùng giá trị tương ứng là 457.523.564.142 đồng.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp)

Như đã trình bày tại thuyết minh số 2.1 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, lãi/(lỗ) chưa thực hiện của các giao dịch nội bộ giữa các Công ty con và Công ty Mẹ - Tổng Công ty, cũng như các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty chưa được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kế toán số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào Công ty con.

Năm 2011, Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam, là Công ty con của Tổng Công ty, đã hạch toán giảm nguồn vốn kinh doanh đối với khoản chuyển nhượng giá trị đầu tư vào Công ty Visuco số tiền 33.030.056.456 đồng, tuy nhiên, Tổng Công ty không hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam. Do đó, số tiền này đang được phản ánh trên chỉ tiêu “Đầu tư vào Công ty con” trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015 của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của các Công ty con của Tổng Công ty được kiểm toán bởi các Công ty kiểm toán khác với các chỉ tiêu tổng Tài sản, tổng Nợ phải trả, tổng Doanh thu thuần và tổng Lợi nhuận sau thuế lần lượt là: 5.320.425.462.328 đồng, 3.341.777.433.214 đồng, 9.511.422.886.988 đồng và 57.475.465.211 đồng. Ngoài ra, Công ty Veam Korea Corporation, là Công ty con của Tổng Công ty, hoạt động tại Hàn Quốc và tuân thủ theo Pháp luật Hàn Quốc. Chúng tôi không được soát xét các hồ sơ kiểm toán của các Công ty này cũng như chưa thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để có thể đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính của các Công ty này, cũng như ảnh hưởng của chúng đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Tổng Công ty.

Trên Báo cáo kiểm toán độc lập về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của các Công ty con có đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ (được trình bày cụ thể trong phụ lục kèm theo từ trang 59 đến trang 62).

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán ngoại trừ.



Nguyễn Tự Trung  
Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1226-2014-112-1  
Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA**  
Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2016

Hà Minh Long  
Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1221-2014-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31/12/2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>5.320.990.291.079</b>	<b>4.540.600.480.777</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>1.029.862.327.913</b>	<b>1.242.702.487.162</b>
Tiền	111		868.990.752.414	469.200.075.707
Các khoản tương đương tiền	112		160.871.575.499	773.502.411.455
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>482.000.000.000</b>	<b>74.857.562.419</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	482.000.000.000	74.857.562.419
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.668.559.828.442</b>	<b>1.323.808.407.415</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.609.779.849.371	1.396.600.118.178
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		159.765.946.578	124.509.257.157
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	76.535.933.562	61.933.483.359
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(179.087.130.993)	(260.703.412.372)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.565.229.924	1.468.961.093
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>2.023.680.393.635</b>	<b>1.802.145.227.327</b>
Hàng tồn kho	141		2.027.482.744.225	1.829.190.743.896
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.802.350.590)	(27.045.516.569)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>116.887.741.089</b>	<b>97.086.796.454</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	20.124.639.751	8.075.888.411
Thuế GTGT được khấu trừ	152		91.932.229.870	85.625.598.090
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	4.830.871.468	3.385.309.953
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>11.751.925.360.483</b>	<b>11.075.667.991.375</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>164.111.588.557</b>	<b>146.671.537.147</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	7.331.963.818	246.272.606
Phải thu dài hạn khác	216	8	156.779.624.739	146.425.264.541
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.284.256.535.226</b>	<b>1.904.373.713.042</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.229.514.307.929	1.858.574.830.800
- Nguyên giá	222		3.890.738.392.491	3.233.644.328.052
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.661.224.084.562)	(1.375.069.497.252)
Tài sản cố định vô hình	227	13	54.742.227.297	45.798.882.242
- Nguyên giá	228		79.715.143.308	69.294.364.982
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(24.972.916.011)	(23.495.482.740)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>11</b>	<b>44.302.600.486</b>	<b>36.704.460.061</b>
- Nguyên giá	231		57.450.728.754	44.526.541.340
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(13.148.128.268)	(7.822.081.279)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>10</b>	<b>168.844.151.513</b>	<b>181.879.901.444</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		168.844.151.513	181.879.901.444
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>8.780.103.870.731</b>	<b>8.589.926.904.264</b>
Đầu tư vào công ty con	251		33.030.056.659	33.030.056.659
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	14	8.717.243.511.629	8.526.645.102.629
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		29.830.302.443	30.251.744.976
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>310.306.613.970</b>	<b>216.111.475.417</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	310.215.032.527	214.451.077.481
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		91.581.443	115.698.936
Tài sản dài hạn khác	268		-	1.544.699.000
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>17.072.915.651.562</b>	<b>15.616.268.472.152</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

Tại ngày 31/12/2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.821.487.136.312</b>	<b>1.647.970.991.371</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.534.727.089.766</b>	<b>1.367.981.157.457</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	444.268.923.210	402.527.013.679
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		43.937.625.996	26.210.255.073
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	19.986.518.392	18.872.158.031
Phải trả người lao động	314		124.104.721.000	120.669.192.902
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	55.065.262.400	27.297.014.821
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		231.258.954	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	234.016.805.183	105.518.426.771
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	504.633.435.921	625.080.270.077
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		5.752.161.568	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		102.730.377.142	41.806.826.103
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>286.760.046.546</b>	<b>279.989.833.914</b>
Chi phí phải trả dài hạn	333	18	700.000.000	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		2.262.784.697	2.446.875.605
Phải trả dài hạn khác	337	19	28.644.227.364	14.999.500.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	234.563.587.417	262.543.458.309
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341		6.889.447.068	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		13.700.000.000	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>15.251.428.515.250</b>	<b>13.968.297.480.781</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>15.210.597.847.435</b>	<b>13.914.209.456.097</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.901.211.624.337	4.538.517.317.836
Vốn khác của chủ sở hữu	414		30.194.577.774	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		457.523.564.142	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		4.694.424.029	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.246.674.081.717	1.106.205.369.477
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		50.724.653.382	50.317.744.835
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		435.600.744	285.828.718
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.081.437.186.805	7.744.063.783.348
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		4.451.728.054.699	4.405.883.126.210
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.629.709.132.106	3.338.180.657.138
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		231.594.375.619	226.594.278.890
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		206.107.758.885	248.225.132.993
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>40.830.667.815</b>	<b>54.088.024.684</b>
Nguồn kinh phí	431		(2.189.599.818)	5.573.348.419
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		43.020.267.633	48.514.676.265
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>17.072.915.651.562</b>	<b>15.616.268.472.152</b>

**Trần Ngọc Hà**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2016

**Trần Anh Sơn**  
Trưởng phòng Tài chính  
Kế toán

**Vũ Thị Hồng Hạnh**  
Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	5.899.135.446.324	5.098.195.584.263
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	5.872.314.421	11.803.171.023
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>5.893.263.131.903</b>	<b>5.086.392.413.240</b>
Giá vốn hàng bán	11	25	5.267.706.905.696	4.660.407.576.702
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>625.556.226.207</b>	<b>425.984.836.538</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	73.276.773.795	16.405.050.482
Chi phí tài chính	22	27	149.717.712.261	44.069.442.754
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		32.206.728.973	34.901.952.046
Chi phí bán hàng	25		225.117.114.405	188.478.961.351
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		614.244.128.876	435.473.249.816
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(290.245.955.540)</b>	<b>(225.631.766.901)</b>
Thu nhập khác	31	28	120.338.548.855	123.532.388.322
Chi phí khác	32	29	83.248.924.842	46.215.857.517
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>37.089.624.013</b>	<b>77.316.530.805</b>
<b>Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>45</b>		<b>4.590.293.134.539</b>	<b>3.492.231.528.786</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>4.337.136.803.012</b>	<b>3.343.916.292.690</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	26.807.826.547	18.838.564.599
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	(59.686.882.346)	(16.478.871)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>4.370.015.858.810</b>	<b>3.325.094.206.962</b>
Lợi nhuận sau thuế của Công ty Mẹ	61		4.372.961.303.273	3.329.675.754.621
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		(2.945.444.463)	(4.581.547.659)



**Trần Ngọc Hà**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2016

**Trần Anh Sơn**  
Trưởng phòng Tài chính  
Kế toán

**Vũ Thị Hồng Hạnh**  
Người lập

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		4.337.136.803.012	3.343.916.292.690
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		242.864.217.454	233.338.779.316
Các khoản dự phòng	03		(99.107.285.790)	57.098.414.150
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(255.265.076)	30.111.218
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(4.657.832.403.351)	(3.510.837.275.255)
Chi phí lãi vay	06		32.206.728.973	34.901.952.046
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		<b>(144.987.204.778)</b>	<b>158.448.274.165</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(49.569.112.418)	(42.193.837.713)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(198.292.000.329)	(156.551.487.673)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		46.855.885.283	54.268.835.407
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(107.812.706.386)	(72.948.921.272)
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.586.802.493)	(33.173.392.053)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(18.735.729.836)	(29.698.173.606)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		719.862.920.288	288.178.712.298
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(98.097.957.298)	(164.127.385.094)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>142.637.292.033</b>	<b>2.202.624.459</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(189.208.751.647)	(148.539.663.268)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		7.443.965.649	21.146.539.571
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(807.974.297.493)	(245.050.394.419)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		353.371.685.950	233.976.435.652
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(18.894.890.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		56.801.072.622	1.100.167.547.090
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		108.444.985.062	14.763.210.523
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(490.016.229.857)</b>	<b>976.463.675.149</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		70.492.790.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		2.459.104.108.584	2.057.256.671.076
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.344.976.909.380)	(2.157.879.248.056)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(50.336.475.705)	(705.554.228.782)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>134.283.513.499</b>	<b>(806.176.805.762)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50		<b>(213.095.424.325)</b>	<b>172.489.493.846</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	5	<b>1.242.702.487.162</b>	<b>1.070.003.250.915</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		255.265.076	209.742.401
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	5	<b>1.029.862.327.913</b>	<b>1.242.702.487.162</b>



**Trần Ngọc Hà**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2016

**Trần Anh Sơn**  
Trưởng phòng Tài chính  
Kế toán

**Vũ Thị Hồng Hạnh**  
Người lập

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - Công ty TNHH (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp, là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương), được thành lập theo Quyết định số 1119/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, được chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức Công ty Mẹ - Công ty Con theo Quyết định số 3367/QĐ - BCT ngày 25/06/2010 của Bộ Công thương. Hiện tại, Tổng Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 05 ngày 08/04/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 2.372.348.812.298 đồng.

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy);
- Sản xuất xe có động cơ;
- Sản xuất mô tô, xe máy;
- Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá;
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Buôn bán ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán mô tô, xe máy:
  - + Buôn bán mô tô, xe máy
  - + Bán lẻ mô tô, xe máy
  - + Đại lý mô tô, xe máy
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung;
- Sản xuất các thiết bị nâng, hạ, bốc xếp;
- Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén;
- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại;
- Sản xuất máy luyện kim;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Đúc sắt, thép;
- Đúc kim loại màu;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm);
- Rèn, dập, ép và cán kim loại;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH (TIẾP)**

- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn và hoạt động khoa học khác chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Buôn bán kim loại và quặng kim loại:
  - + Buôn bán quặng kim loại
  - + Buôn bán sắt thép
  - + Buôn bán kim loại khác
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày:
  - + Khách sạn
  - + Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày
  - + Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường,...);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới..);
- Dịch vụ ăn uống khác ( không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu:
  - + Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)
  - + Bán buôn hóa chất công nghiệp (trừ hóa chất nhà nước cấm)
  - + Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh: Hạt, bột, bột nhão
  - + Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt
  - + Bán buôn phân bón và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp (trừ hóa chất nhà nước cấm)
- Bán buôn tổng hợp:
  - + Bán buôn tổng hợp nhiều loại hàng hóa không chuyên doanh loại nào
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình:
  - + Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
  - + Bán buôn xi măng (bao gồm cả xi măng đen và xi măng trắng)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH (TIẾP)**

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;  
+ Kinh doanh bất động sản
- Tư vấn môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;  
+ Tư vấn bất động sản
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu:  
+ Kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng đã được đăng ký trong nội dung đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan:  
+ Giám sát lắp đặt thiết bị công trình và lắp đặt thiết bị công nghệ điện công trình dân dụng, công nghiệp;  
+ Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp;

(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

**1.3 CÁC ĐƠN VỊ HẠCH TOÁN PHỤ THUỘC TỔNG CÔNG TY**

Đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty bao gồm Văn phòng Công ty và các đơn vị sau:

- |  |  |
|--|--|
| - Chi nhánh Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh; | Số 90 - 92 Trần Bình Trọng, phường 1, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh            |
| - Chi nhánh Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam tại Nghệ An;               | Xã Công Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An                                   |
| - Chi nhánh Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - Nhà máy Ô tô VEAM;       | Phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hoá                                 |
| - Chi nhánh Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - Nhà máy Đúc VEAM         | Lô B15, khu B, khu công nghiệp Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh |

Các đơn vị này thực hiện hạch toán kinh tế phụ thuộc, được quyền tự chủ kinh doanh theo phân cấp quản lý của Tổng Công ty, chịu sự ràng buộc về nghĩa vụ và quyền lợi đối với Tổng Công ty. Tổng Công ty chịu trách nhiệm cuối cùng về các nghĩa vụ tài chính phát sinh theo sự cam kết của các đơn vị này. Các đơn vị chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng tại nơi phát sinh. Thuế thu nhập doanh nghiệp của hoạt động sản xuất kinh doanh chính được kê khai tập trung tại Tổng Công ty sau khi hợp cộng kết quả kinh doanh của các đơn vị.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.4 CÁC CÔNG TY CON CỦA TỔNG CÔNG TY**

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ số hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
1	Công ty Cổ phần Cơ khí chính xác số 1	Lô CN-B7, Khu Công nghiệp Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Hà Nội	51,14	51,14
2	Công ty Cổ phần Cơ khí Phổ Yên	Thị trấn Bãi Bông, Phổ Yên, Thái Nguyên	51,03	51,03
3	Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	Tổ 34, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội	53,66	53,66
4	Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM	Số 02, đường Triệu Quốc Đạt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	51,00	51,00
5	Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ	Km số 3, đường Phạm Văn Đồng, Từ Liêm, Hà Nội	50,98	50,98
6	Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1	Phường Mỏ Chè, Thị xã Sông Công, Thái Nguyên	55,00	55,00
7	Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	Số 4 Phố Chu Văn An, phường Yết Kiêu, quận Hà Đông, Hà Nội	100,00	100,00
8	Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	Số 114 Mai Hắc Đế, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	100,00	100,00
9	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Phường Lương Châu, thị xã Sông Công, Thái Nguyên	100,00	100,00
10	Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp miền Nam	Khu phố 1, phường Bình Đa, TP. Biên Hòa, Đồng Nai	100,00	100,00
11	Viện Công nghệ	Số 25 phố Vũ Ngọc Phan, Đống Đa, Hà Nội	100,00	100,00
12	Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh (*)	Số 7 đường Mai Hắc Đế, TP. Vinh, Nghệ An	55,01	55,01
13	Công ty VEAM Korea Corporation (**)	KEB Bd 4th, 1220-10, Igok-Dong, Dalseo-Gu, Daegu, Korea	89,00	89,00

(\*) Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh là Công ty con của Tổng Công ty do tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp của Tổng Công ty là 49,00% và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 (là Công ty con của Tổng Công ty nắm giữ 55,00% quyền biểu quyết) là 6,01%.

(\*\*) Công ty VEAM Korea Corporation được thành lập và hoạt động tuân thủ theo Pháp luật Hàn Quốc, báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Won Hàn Quốc (KRW) và chưa được kiểm toán. Số liệu của Công ty VEAM Korea Corporation được hợp nhất trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Tổng Công ty theo quy định hiện hành về chuyển đổi đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty con sang đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty mẹ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.5 CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT CỦA TỔNG CÔNG TY ĐƯỢC PHẢN ẢNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT THEO PHƯƠNG PHÁP VỐN CHỦ SỞ HỮU**

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
1	Công ty Honda Việt Nam	Phường Phúc Thắng, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	30,00	30,00
2	Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	Thị xã Phúc Yên, Vĩnh Phúc	20,00	20,00
3	Công ty TNHH Mekong Auto	Quốc lộ 3, Nguyễn Khê, Đông Anh, Hà Nội	18,00	18,00
4	Công ty TNHH Ford Việt Nam (*)	Phường Tứ Minh, TP. Hải Dương, Hải Dương	25,00	25,00
5	Công ty Cổ phần Nakyko	Số 19/9 Tân Kỳ - Tân Quý, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	49,00	49,00
6	Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang	Số 165 Trần Hưng Đạo, TP. Long Xuyên, An Giang	47,41	47,41
7	Công ty Cổ phần Veam Tây Hồ	Lô D, khu D1, Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	29,01	29,01
8	Công ty Cổ phần Kum Ba	Số 231 Bến Chương Dương, phường Cô Giang, quận 1, TP Hồ Chí Minh	25,00	25,00
9	Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng (**)	Số 01 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng	20,55	20,55

(\*) Công ty TNHH Ford Việt Nam là Công ty liên doanh của Tổng Công ty do Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công (là Công ty con của Tổng Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ) nắm giữ 25% quyền biểu quyết của Công ty TNHH Ford Việt Nam;

(\*\*) Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng là Công ty liên kết của Tổng Công ty do quyền biểu quyết trực tiếp của Tổng Công ty là 19,46% và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ (là Công ty con của Tổng Công ty nắm giữ 51,00% quyền biểu quyết) là 1,09%

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty mẹ Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các Công ty con. Công ty được xác định là Công ty con của Tổng Công ty khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Các chính sách kế toán của các Công ty con có thể được điều chỉnh (nếu cần thiết) nhằm đảm bảo chính sách kế toán được áp dụng ở Tổng Công ty và Công ty con không có sự khác biệt đáng kể.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất được xác định là chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Ngoại trừ lãi/(lỗ) chưa thực hiện của các giao dịch nội bộ, toàn bộ các giao dịch nội bộ giữa các Công ty con và Công ty mẹ Tổng Công ty cũng như các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty và tất cả các số dư nội bộ giữa các Công ty con được loại trừ hoàn toàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Trong năm 2011, Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam, là Công ty con của Tổng Công ty, hạch toán giảm nguồn vốn chủ sở hữu vì chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty Visuco số tiền 33.030.056.456 đồng, tuy nhiên, Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam chưa hạch toán giảm khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam do chưa được Bộ Tài chính hướng dẫn giảm vốn. Do đó, chỉ tiêu “Đầu tư vào Công ty con” chưa được loại trừ hoàn toàn trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Tổng Công ty.

**2.2 HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Veam, là Công ty con của Tổng Công ty, tại ngày 31/12/2015, Chỉ tiêu “Vốn chủ sở hữu” (mã số 400) của Công ty là âm 112.573.984.237 đồng. Với ảnh hưởng này đã chỉ ra sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể gây ra nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty con này. Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Veam được hợp nhất vào Báo cáo tài chính này chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể phát sinh từ sự kiện không chắc chắn nêu trên.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

**3. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30/06/2015, Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam đã được Bộ Công thương phê duyệt giá trị Doanh nghiệp để Cổ phần hoá.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

**4.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Từ 01/01/2015, Công ty áp dụng Thông tư 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 để lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 202/2014/TT-BTC cũng thể hiện sự thay đổi trong cách trình bày một số khoản mục trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất. Công ty đã trình bày và phân loại lại các số liệu so sánh cho phù hợp với cách trình bày mới. Chi tiết về việc phân loại lại các số liệu so sánh được trình bày tại Thuyết minh số 35 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.3 NGOẠI TỆ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

**4.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Tổng Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào trình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**4.6 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá, không điều chỉnh lại chi phí khấu hao đã trích mà chỉ điều chỉnh mức khấu hao tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính và phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)**

<u>Nhóm tài sản cố định</u>	<u>Thời gian tính khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc, thiết bị (*)	2 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 12
Thiết bị, dụng cụ quản lý và TSCĐ khác	3 - 12

(\*) Máy móc, thiết bị khấu hao nhanh với thời gian 02 năm là tài sản thuộc Công ty con của Tổng Công ty - Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công.

**4.8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

<u>Nhóm tài sản cố định</u>	<u>Thời gian tính khấu hao (năm)</u>
Phần mềm	3 - 10
Bản quyền, bằng sáng chế	5 - 10
Quyền sử dụng đất	Không trích khấu hao

**4.9 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ VÀ HAO MÒN**

Bất động sản đầu tư là bất động sản được Tổng Công ty sử dụng với mục đích cho thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư được ghi nhận trên cơ sở giá gốc, theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Thời gian khấu hao được xác định tương đương với các tài sản cố định cùng loại.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Nhóm Bất động sản đầu tư</u>	<u>Thời gian trích khấu hao (năm)</u>
Quyền sử dụng đất	Không trích khấu hao
Cơ sở hạ tầng	03 - 25

**4.10 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.10 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thu hồi được. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, số tổn thất do không thu hồi được phải được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

*Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh*

- Công ty liên doanh: là Công ty được thành lập bởi các bên góp vốn liên doanh có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động, là đơn vị có tư cách pháp nhân hạch toán độc lập. Mỗi bên góp vốn liên doanh được hưởng một phần kết quả hoạt động của công ty liên doanh theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh.
- Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hoặc công ty liên doanh (nhà đầu tư nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác)

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh là thời điểm Công ty đạt được quyền đồng kiểm soát hoặc đạt được quyền biểu quyết ảnh hưởng đáng kể đến bên nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi tương ứng với phần vốn góp của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh, liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Phần sở hữu của Tổng Công ty trong khoản lỗ của công ty liên doanh, liên kết vượt quá giá trị ghi sổ của khoản góp vốn của Tổng công ty tại công ty liên kết đó sẽ không được ghi nhận trừ khi Tổng Công ty có nghĩa vụ thực hiện thanh toán các khoản nợ thay cho các công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Mekong Auto được trình bày bằng đồng Đô la Mỹ (USD). Số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Tổng Công ty đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH Mekong Auto được quy đổi theo tỷ giá 21.305 VND/USD (tỷ giá được nêu trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty TNHH Mekong Auto).

Năm tài chính của Công ty TNHH Mekong Auto bắt đầu từ ngày 01/7 và kết thúc vào ngày 30/6 hàng năm. Số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Tổng Công ty đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH Mekong Auto là số liệu cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2015 của Công ty TNHH Mekong Auto.

Năm tài chính của Công ty Ô tô Toyota Việt Nam và Công ty Honda Việt Nam bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc vào ngày 31/03 hàng năm. Số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Tổng Công ty đã bao gồm lợi nhuận của Công ty Ô tô Toyota Việt Nam và Công ty Honda Việt Nam với năm tài chính kết thúc vào ngày 31/03/2016.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Tổng Công ty đang ghi nhận theo phương pháp giá gốc đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh của các công ty con của Tổng Công ty thay vì ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.10 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	<u>31/12/2015</u> VND	<u>01/01/2015</u> VND
<b>1. Tại Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ</b>		
<u>Đầu tư vào công ty liên doanh</u>		
Công ty VJE	15.235.696.080	15.235.696.080
Công ty Bắc Hà	720.000.000	720.000.000
<u>Đầu tư vào công ty liên kết</u>		
Công ty Cổ phần Matexim Thăng Long	-	2.718.392.056
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu luyện kim Lào Cai	3.000.000.000	3.000.000.000
<b>2. Tại Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp</b>		
<u>Đầu tư vào công ty liên doanh</u>		
Công ty Cổ phần Quan hệ quốc tế Đầu tư Sản xuất	44.810.909.091	44.810.909.091
<b>3. Tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo</b>		
<u>Đầu tư vào công ty liên doanh</u>		
Công ty TNHH Thương mại quốc tế Thùy Linh	720.000.000	720.000.000
<b>Cộng</b>	<u><u>61.486.605.171</u></u>	<u><u>67.204.997.227</u></u>

**4.11 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**4.12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chủ yếu các khoản sau:

- Tại Tổng Công ty: Là khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ xuất dùng và các chi phí khác đã phát sinh được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn trên 12 tháng. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 24 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN (TIẾP)**

- Tại Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công: Là các công cụ, dụng cụ xuất dùng và các chi phí khác phục vụ hoạt động sản xuất. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

- Tại Công ty Cổ phần Cơ khí Chính xác số 1: Là chi phí chuyển nhượng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp Phú Nghĩa (số tiền 38.150.859.168 đồng). Chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh theo quy định kế toán hiện hành.

- Tại Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị toàn bộ: Là chi phí lãi vay, chi phí chạy thử trong giai đoạn đầu tư với số tiền 105.368.046.876 đồng. Chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh theo quy định kế toán hiện hành.

**4.13 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá, dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã có sự giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua hoặc dịch vụ đã được thực hiện cho khách hàng và được người mua chấp nhận thanh toán. Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm tài chính, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong năm.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, cụ thể như sau:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Lãi từ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

**4.14 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản (vốn hóa) cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.15 THUẾ**

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế GTGT đầu ra là 10%.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 22% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.16 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.17 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan có thể là các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này, các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	10.302.318.280	8.287.536.807
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	858.688.434.134	460.912.538.900
Các khoản tương đương tiền (*)	160.871.575.499	773.502.411.455
<b>Cộng</b>	<b>1.029.862.327.913</b>	<b>1.242.702.487.162</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tổng Công ty là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng và dưới 01 năm tại các Ngân hàng Thương mại. Tổng giá trị các khoản đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn tại 31/12/2015 là 482.000.000.000 đồng.

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>1.609.779.849.371</b>	<b>1.396.600.118.178</b>
- Công ty Cổ phần B.C.H	85.967.799.356	-
- Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng	116.383.119.956	80.000.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	-	84.072.237.173
- Công ty Cổ phần Thép Minh Quang	82.508.406.180	82.508.406.180
- Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Tương lai	83.318.969.230	83.318.969.230
- Công ty Honda Việt Nam	104.021.492.846	113.661.136.016
- Công ty Đăng Khánh	109.347.972.912	122.993.953.128
- Công ty Agriculture Supply Co., Ltd	70.006.844.759	69.466.454.919
- Các khoản phải thu khách hàng khác	958.225.244.132	760.578.961.532
<b>Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>7.331.963.818</b>	<b>246.272.606</b>
<b>Cộng</b>	<b>1.617.111.813.189</b>	<b>1.396.846.390.784</b>
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>220.404.612.802</b>	<b>193.661.136.016</b>
- Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng	116.383.119.956	80.000.000.000
- Công ty Honda Việt Nam	104.021.492.846	113.661.136.016

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP**  
**VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH**

Lô D, Khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính  
 kết thúc ngày 31/12/2015

**8. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>76.535.933.562</b>	<b>(4.487.310.534)</b>	<b>61.933.483.359</b>	<b>(4.191.130.374)</b>
- Phải thu về cổ phần hóa ngắn hạn	1.425.755.000	-	525.501.600	-
- Phải thu người lao động	2.363.862.881	-	1.796.926.615	-
- Kinh phí công đoàn	37.065.867	-	-	-
- Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	1.258.942.021	-	194.192.066	-
- Thuế TNCN	148.047.994	-	94.889.782	-
- Tạm ứng cán bộ, công nhân viên	6.371.690.936	-	8.723.165.903	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.202.258.435	-	9.223.252.300	-
- Công ty Megastar	1.311.022.861	-	1.311.022.861	-
- Lãi dự thu tài khoản tiền gửi có kỳ hạn	4.608.772.175	-	-	-
- Tổng Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex	2.136.960.000	-	-	-
- Lãi phạt do khách hàng quá hạn thanh toán	1.050.013.000	-	1.050.013.000	(1.050.013.000)
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng tại Hà Nội	7.792.669	-	-	-
- Chi nhánh Công ty Mekong AUTO (CHANGI)	3.605.440.000	-	-	-
- Phân xưởng đúc - Công ty CP Cơ khí Vinh	86.091.177	-	160.249.422	-
- Ông Phạm Văn Tú	867.876.030	-	867.876.030	-
- Ông Phạm Trường Thành	4.487.310.534	(4.487.310.534)	4.487.310.534	(3.141.117.374)
- Các khoản phải thu khác	39.567.031.982	-	33.499.083.246	-

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP  
VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH**

Lô D, Khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2015

**8. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Dài hạn</b>	<b>156.779.624.739</b>	-	<b>146.425.264.541</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	3.838.585.036	-	2.938.687.042	-
- Công ty CP Matexim Hải Phòng	120.733.584.226	-	120.733.584.226	-
- Công ty CP Nakycó	2.993.875.246	-	3.217.277.996	-
- Công ty CP Cơ khí An Giang	16.272.500.000	-	16.100.000.000	-
- Công ty CP đầu tư Veam Tây Hồ	3.000.000.000	-	3.435.715.277	-
- Phải thu khác	9.941.080.231	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>233.315.558.301</b>	<b>(4.487.310.534)</b>	<b>208.358.747.900</b>	<b>(4.191.130.374)</b>
<b>Phải thu khác là các bên liên quan</b>				
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng tại Hà Nội	7.792.669	-	-	-
- Chi nhánh Công ty Mekong AUTO (CHANGI)	3.605.440.000	-	-	-
- Công ty CP Matexim Hải Phòng	120.733.584.226	-	120.733.584.226	-
- Công ty CP Nakycó	2.993.875.246	-	3.217.277.996	-
- Công ty CP Cơ khí An Giang	16.272.500.000	-	16.100.000.000	-
- Công ty CP đầu tư Veam Tây Hồ	3.000.000.000	-	3.435.715.277	-

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP**  
**VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH**  
 Lô D, Khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính  
 kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	4.073.573.531	-	42.183.722.694	-
Nguyên liệu, vật liệu	452.777.528.468	(3.112.194.950)	376.052.703.853	(26.123.342.830)
Công cụ, dụng cụ	53.375.484.621	-	50.059.963.637	-
Bao bì luân chuyển	104.525.227	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	334.950.320.423	-	295.370.481.431	-
Thành phẩm	588.673.121.840	(690.155.640)	730.774.759.344	(922.173.739)
Hàng hóa	228.766.571.092	-	207.951.491.488	-
Hàng gửi bán	364.761.619.023	-	126.797.621.449	-
<b>Cộng</b>	<b>2.027.482.744.225</b>	<b>(3.802.350.590)</b>	<b>1.829.190.743.896</b>	<b>(27.045.516.569)</b>

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP**  
**VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH**

Lô D, Khu D1, phường Phú Thưng, quận Tây Hồ, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính  
 kết thúc ngày 31/12/2015

**10. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>168.844.151.513</b>	<b>168.844.151.513</b>	<b>181.879.901.444</b>	<b>181.879.901.444</b>
- Dây chuyền đúc khuôn cát tưới tự động - giai đoạn 2	73.382.277.040	73.382.277.040	356.000.000	356.000.000
- Sửa chữa, nâng cấp xưởng tạo phôi	254.679.077	254.679.077	44.083.999	44.083.999
- Chi phí khảo sát tư vấn thiết kế	3.629.950.965	3.629.950.965	3.629.950.965	3.629.950.965
- Chi phí di chuyển phân xưởng	6.772.061.912	6.772.061.912	7.142.936.666	7.142.936.666
- Dây chuyền xe bus	2.898.113.984	2.898.113.984	-	-
- Nhà công vụ	5.622.520.333	5.622.520.333	-	-
- Dự án "Tăng cường năng lực nhiệt luyện, thiết kế và gia công khuôn kim loại"	20.014.802.047	20.014.802.047	-	-
- Nhà xưởng sản xuất phân vi sinh và sấy bã sắn	-	-	2.428.681.452	2.428.681.452
- Dây chuyền thiết bị phân vi sinh và sấy bã sắn	-	-	2.709.876.000	2.709.876.000
- Hệ thống dây chuyền bã sắn	-	-	706.766.458	706.766.458
- Nhà phun cát và sân bãi gia công kết cấu thép	-	-	313.301.894	313.301.894
- Đường cáp 22KV và trạm biến áp trung gian	-	-	279.310.273	279.310.273
- Chi phí chế tạo thiết bị Lò Ram buồng công suất 50KW 3 pha 380V	-	-	462.626.749	462.626.749
- Sửa chữa, nâng cấp lò luyện	-	-	211.589.326	211.589.326
- Gói thầu số 14	-	-	20.360.221.542	20.360.221.542
- Gói thầu số 15	-	-	22.775.310.160	22.775.310.160
- Gói thầu số 16	-	-	5.354.757.273	5.354.757.273
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	979.559.939	979.559.939	5.172.627.918	5.172.627.918
- Chi phí XD/CB dở dang khác tại Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị Toàn Bộ	53.246.710.094	53.246.710.094	107.823.142.835	107.823.142.835
- Các công trình khác	2.043.476.122	2.043.476.122	2.108.717.934	2.108.717.934
<b>Cộng</b>	<b>168.844.151.513</b>	<b>168.844.151.513</b>	<b>181.879.901.444</b>	<b>181.879.901.444</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Số đầu năm	Tăng/giảm trong năm	Số cuối năm
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	<b>44.526.541.340</b>	<b>12.924.187.414</b>	<b>57.450.728.754</b>
- Quyền sử dụng đất	32.719.978.499	-	32.719.978.499
- Cơ sở hạ tầng	11.806.562.841	12.924.187.414	24.730.750.255
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	<b>(7.822.081.279)</b>	<b>(5.326.046.989)</b>	<b>(13.148.128.268)</b>
- Quyền sử dụng đất	-	-	-
- Cơ sở hạ tầng	(7.822.081.279)	(5.326.046.989)	(13.148.128.268)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	<b>36.704.460.061</b>	<b>7.598.140.425</b>	<b>44.302.600.486</b>
- Quyền sử dụng đất	32.719.978.499	-	32.719.978.499
- Cơ sở hạ tầng	3.984.481.562	7.598.140.425	11.582.621.987

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP  
VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH**

Lô D, Khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2015

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải truyền dẫn		Thiết bị dụng cụ quản lý		TSCĐ HH khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
<b>NGUYỄN GIÁ</b>											
01/01/2015	986.744.064.089	2.079.498.637.880	144.450.818.776	19.441.272.480	3.509.534.827	3.233.644.328.052					
- Mua trong năm	3.377.040.070	128.085.131.945	27.039.737.308	1.140.805.154	-	159.642.714.477					
- Đầu tư XDCB hoàn thành	79.823.674.286	15.716.386.190	-	-	-	95.540.060.476					
- Tăng theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp	465.665.495.652	17.191.687.566	8.585.065.119	745.479.776	-	492.187.728.113					
- Tăng khác	(5.570.018.701)	(34.393.414.983)	(10.102.885.747)	1.424.074.368	-	4.920.222.465					
- Thanh lý, nhượng bán	-	1.029.760.000	2.466.388.097	-	-	(50.066.319.431)					
- Giảm do tháo dỡ, xử lý	-	-	(820.796.945)	-	-	(820.796.945)					
- Giảm do chuyển sang BĐS đầu tư	-	(173.849.511)	(48.133.506)	-	-	(221.983.017)					
- Giảm khác	(393.013.243)	(41.934.761.897)	(1.271.952.726)	(487.833.833)	-	(44.087.561.699)					
<b>31/12/2015</b>	<b>1.529.647.242.153</b>	<b>2.165.019.577.190</b>	<b>170.298.240.376</b>	<b>22.263.797.945</b>	<b>3.509.534.827</b>	<b>3.890.738.392.491</b>					
<b>HAO MÓN LUY KẾ</b>											
01/01/2015	324.605.653.740	949.742.348.540	86.504.990.197	11.943.647.297	2.272.857.478	1.375.069.497.252					
- Khấu hao trong năm	49.741.738.821	167.673.347.917	15.306.773.939	1.973.598.092	489.572.570	235.185.031.339					
- Tăng theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp	217.747.321.777	2.734.262.959	4.794.471.619	434.115.214	-	225.710.171.569					
- Giảm theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp	(47.201.592.550)	(66.056.022.631)	(5.857.428.722)	(1.340.888.895)	(133.940.776)	(120.589.873.574)					
- Thanh lý, nhượng bán	(3.205.071.686)	(25.537.167.767)	(9.669.676.684)	-	-	(38.411.916.137)					
- Giảm do tháo dỡ xử lý	-	(173.849.511)	(48.133.506)	-	-	(221.983.017)					
- Giảm khác	-	(13.930.442.969)	(1.098.566.068)	(487.833.833)	-	(15.516.842.870)					
<b>31/12/2015</b>	<b>541.688.050.102</b>	<b>1.014.452.476.538</b>	<b>89.932.430.775</b>	<b>12.522.637.875</b>	<b>2.628.489.272</b>	<b>1.661.224.084.562</b>					
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>											
01/01/2015	662.138.410.349	1.129.756.289.340	57.945.838.579	7.497.625.183	1.236.677.349	1.858.574.830.800					
31/12/2015	987.959.192.051	1.150.567.100.652	80.365.809.601	9.741.160.070	881.045.555	2.229.514.307.929					

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)**

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 596.543.378.667 đồng;

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2015 là 1.986.555.806 đồng.

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Phí bản quyền <u>VND</u>	TSCĐ vô hình khác <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2015	47.231.877.878	8.937.462.779	13.040.524.325	84.500.000	69.294.364.982
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	158.342.000	-	-	158.342.000
- Tăng theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp	10.262.436.326	-	-	-	10.262.436.326
<b>31/12/2015</b>	<b>57.494.314.204</b>	<b>9.095.804.779</b>	<b>13.040.524.325</b>	<b>84.500.000</b>	<b>79.715.143.308</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>					
01/01/2015	7.119.265.267	7.183.596.745	9.165.358.229	27.262.499	23.495.482.740
- Khấu hao trong năm	981.449.892	590.322.822	775.033.220	6.333.192	2.353.139.126
- Giảm khác	(874.368.000)	(1.337.855)	-	-	(875.705.855)
<b>31/12/2015</b>	<b>7.226.347.159</b>	<b>7.772.581.712</b>	<b>9.940.391.449</b>	<b>33.595.691</b>	<b>24.972.916.011</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2015	40.112.612.611	1.753.866.034	3.875.166.096	57.237.501	45.798.882.242
<b>31/12/2015</b>	<b>50.267.967.045</b>	<b>1.323.223.067</b>	<b>3.100.132.876</b>	<b>50.904.309</b>	<b>54.742.227.297</b>



**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP**  
**VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH**

Lô D, khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính  
 kết thúc ngày 31/12/2015

**14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>739.895.985.035</b>	<b>8.717.243.511.629</b>	<b>742.067.230.227</b>	<b>8.526.645.102.629</b>
+ Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang	15.580.720.000	22.779.103.326	15.580.720.000	21.794.639.973
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Yeam Tây Hồ	9.024.200.000	11.089.392.395	9.024.200.000	11.823.927.880
+ Công ty Cổ phần Nakycos	4.292.777.000	9.289.933.679	4.292.777.000	4.718.056.056
+ Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	108.108.000.000	1.160.887.935.900	108.108.000.000	908.643.915.589
+ Công ty Honda Việt Nam	252.778.920.000	7.098.422.917.580	252.778.920.000	7.142.763.202.043
+ Công ty TNHH Ford Việt Nam	198.000.000.000	314.616.508.893	198.000.000.000	331.880.249.282
+ Công ty Cổ phần Kumba	15.639.216.000	15.876.709.277	15.639.216.000	15.880.194.574
+ Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng	32.385.546.864	19.794.405.408	31.838.400.000	21.935.920.005
+ Công ty TNHH Mekong Auto	39.600.000.000	-	39.600.000.000	-
+ Công ty liên doanh liên kết của Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ (*)	18.955.696.080	18.955.696.080	21.674.088.136	21.674.088.136
+ Công ty liên doanh của Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp (*)	44.810.909.091	44.810.909.091	44.810.909.091	44.810.909.091
+ Công ty liên doanh của Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo (*)	720.000.000	720.000.000	720.000.000	720.000.000
	<b>739.895.985.035</b>	<b>8.717.243.511.629</b>	<b>742.067.230.227</b>	<b>8.526.645.102.629</b>

(\*) Xem thêm thuyết minh số 4.10

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>20.124.639.751</b>	<b>8.075.888.411</b>
- Chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe	180.349.527	98.750.109
- Bộ khuôn	2.268.670.716	161.583.330
- Chi phí mẫu gỗ phục vụ sản xuất	54.058.333	-
- Chi phí cải tạo phòng QC	47.803.560	-
- Chi phí khấu hao và bảo dưỡng TSCĐ không sử dụng	800.512.863	-
- Chi phí thuê văn phòng	52.000.000	52.000.000
- Chi phí mua bảo hiểm tài sản	66.899.193	88.686.453
- Chi phí SXKD dở dang	2.429.200.000	-
- Chi phí thuê kho Đông Anh	49.431.818	-
- Các khoản bảo hiểm và lệ phí	308.492.651	149.478.266
- Chi phí mua tài liệu kỹ thuật, giấy phép công nghệ	922.186.350	1.091.098.910
- CCDC chờ phân bổ	3.843.467.573	2.224.455.989
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	980.119.334	1.295.316.685
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác tại Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ	8.121.447.833	2.914.518.669

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TIẾP)**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Dài hạn</b>	<b>310.215.032.527</b>	<b>214.451.077.481</b>
- Chi phí chuyển nhượng cơ sở hạ tầng KCN Phú Nghĩa	38.150.859.168	39.070.682.294
- TSCĐ điều chỉnh theo TT 51/2013/TT-BTC	-	470.622.039
- Cơ sở hạ tầng bãi xe ô tô	4.829.506.545	4.950.250.545
- Chi phí vật tư sửa chữa	-	24.055.651
- Đền bù, san lấp mặt bằng	2.376.658.347	2.429.768.031
- Chi phí cơ sở hạ tầng và tiền thuê đất	1.609.336.291	-
- Cước internet	360.149.731	-
- Chi phí bọc ghế da văn phòng	-	5.460.000
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	5.755.185.741	5.153.549.289
- Lãi vay, chi phí chạy thử, chi phí trong giai đoạn ĐTXD	105.368.046.876	77.170.804.101
- CCDC đã phân bổ hết sau khi định giá	2.894.360.031	-
- CCDC, chi phí phục vụ quản lý	1.212.174.373	763.421.873
- CCDC, chi phí phục vụ sản xuất	17.208.137.366	14.355.868.475
- Phí bản quyền, chuyên gia	5.333.512.337	4.038.493.136
- Chi phí nghiên cứu dự án cabin	-	3.385.188.097
- Chi phí thuê văn phòng	17.957.589.374	19.638.287.859
- Chi phí ngừng lương tại Nhà máy đúc VEAM	1.002.205.948	-
- Tiền thuê đất	11.521.753.706	11.310.809.553
- Chi phí chế thử sản phẩm mới	838.731.615	-
- Chi phí hỗ trợ biển hiệu, showroom cho các đại lý	1.460.703.301	2.191.100.847
- Giá trị thương hiệu	31.100.198.367	-
- Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	2.120.504.719	1.894.678.764
- CCDC chờ phân bổ	9.324.475.286	7.212.977.678
- Chi phí trả trước dài hạn khác	6.340.126.418	6.789.540.341
- Chi phí trả trước dài hạn khác tại Công ty CP Vật tư và Thiết bị Toàn Bộ	43.450.816.987	13.595.518.908
<b>Cộng</b>	<b>330.339.672.278</b>	<b>222.526.965.892</b>

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP**  
**VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH**

Lô D, khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính  
 kết thúc ngày 31/12/2015

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>444.268.923.210</b>	<b>444.268.923.210</b>	<b>402.527.013.679</b>	<b>402.527.013.679</b>
- Công ty TNHH Linh Trung ES	11.687.744.282	11.687.744.282	10.859.241.290	10.859.241.290
- Công ty TNHH Thương mại Lộc Xuân	14.215.993.756	14.215.993.756	3.874.044.665	3.874.044.665
- Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Vật tư Thiết bị Công	15.649.384.300	15.649.384.300	15.196.860.580	15.196.860.580
- Area East Corporation	122.515.216.191	122.515.216.191	43.922.542.758	43.922.542.758
- Công ty TNHH Cường Đại	11.721.541.790	11.721.541.790	8.449.641.585	8.449.641.585
- Công ty TNHH Honda Trading Việt Nam	13.929.013.957	13.929.013.957	16.847.202.124	16.847.202.124
- Các đối tượng khác	254.550.028.934	254.550.028.934	303.377.480.677	303.377.480.677
<b>Cộng</b>	<b>444.268.923.210</b>	<b>444.268.923.210</b>	<b>402.527.013.679</b>	<b>402.527.013.679</b>

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP**  
**VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH**  
 Lô D, khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho năm tài chính  
 kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ, PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng	7.580.777.919	230.591.766.017	234.411.715.072	3.760.828.864
- Thuế xuất, nhập khẩu	14.404.788	122.369.363.994	122.383.768.782	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.365.277.049	25.299.937.846	18.735.729.836	12.929.485.059
- Thuế thu nhập cá nhân	1.611.520.604	8.764.344.031	8.703.558.063	1.672.306.572
- Thuế tài nguyên	946.235.160	2.319.882.458	2.380.858.502	885.259.116
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.453.110.000	9.827.098.010	11.256.698.010	23.510.000
- Thuế bảo vệ môi trường	-	30.660.000	30.660.000	-
- Các loại thuế khác	25.803.934	401.379.139	427.183.073	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	875.028.577	2.113.824.634	2.273.724.430	715.128.781
<b>Cộng</b>	<b>18.872.158.031</b>	<b>401.718.256.129</b>	<b>400.603.895.768</b>	<b>19.986.518.392</b>
	<b>01/01/2015</b>	<b>Số phải thu trong năm</b>	<b>Số đã thực thu trong năm</b>	<b>31/12/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>				
- Thuế giá trị gia tăng	615.530.103	2.159.221.291	14.834.289	2.759.917.105
- Thuế xuất, nhập khẩu	98.053.670	4.727.983.499	4.310.803.065	515.234.104
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.273.743.044	1.050.467.674	2.012.510.066	1.311.700.652
- Thuế thu nhập cá nhân	208.830.826	219.970.704	357.627.118	71.174.412
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	88.183.310	3.736.400.254	3.651.738.369	172.845.195
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	100.969.000	-	100.969.000	-
<b>Cộng</b>	<b>3.385.309.953</b>	<b>11.894.043.422</b>	<b>10.448.481.907</b>	<b>4.830.871.468</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>55.065.262.400</b>	<b>27.297.014.821</b>
- Chi phí phải trả lao động dôi dư	6.611.600	6.611.600
- Chi phí sửa chữa xe Hilux	617.831	-
- Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	-	1.009.884.273
- Phí bán đấu giá TSCĐ	7.579.091	-
- Phí bản quyền, chuyên gia	1.156.832.488	-
- Đại tu sửa chữa cầu trục dầm 5T Rèn 2	248.236.364	-
- Sửa chữa khu vệ sinh nhà HC 5 tầng và móng máy	24.889.091	-
- Cước vận chuyển, phí phải quan	212.720.120	-
- Phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải	282.611.600	-
- Phí dịch vụ TVPL KDTX	30.000.000	-
- Cước điện thoại	10.767.179	-
- Chi phí tiền lương nghỉ phép	-	256.124.923
- Chi phí khuyến mãi	2.341.335.000	594.000.000
- Chi phí khuyến khích vượt doanh thu	753.294.665	704.841.079
- Chi phí công tác phí và vé cầu đường	37.817.000	42.978.000
- Chi phí xuất nhập hàng	-	1.670.994.705
- Chi phí vận chuyển quặng tinh	-	582.751.800
- Chi phí vận chuyển ô tô, xe máy	10.200.000.000	13.239.761.950
- Chi phí thuê đất	239.197.598	322.413.020
- Chi phí phải trả hoa hồng đại lý	35.406.087.073	-
- Chi phí lãi vay	1.668.994.429	1.654.968.368
- Chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.437.671.271	7.211.685.103
<b>Dài hạn</b>	<b>700.000.000</b>	<b>-</b>
- Chi phí lãi vay	700.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>55.765.262.400</b>	<b>27.297.014.821</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>234.016.805.183</b>	<b>105.518.426.771</b>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	564.314.519	377.994.387
- Kinh phí công đoàn	7.477.496.694	7.790.774.676
- Bảo hiểm xã hội	603.513.567	1.820.083.359
- Bảo hiểm y tế	158.933.966	129.396.907
- Bảo hiểm thất nghiệp	49.708.707	108.495.192
- Phải trả về cổ phần hóa	-	168.699.062
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.548.729.177	10.400.501.770
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	214.614.108.553	84.722.481.418
<i>Các đối tượng khác trả tiền mua cổ phần</i>	<i>136.829.765</i>	<i>136.829.765</i>
<i>Công ty Cổ phần Golden City</i>	<i>64.600.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>19.525.961.400</i>	<i>-</i>
<i>Công ty CP Đầu tư SMT</i>	<i>17.413.926.364</i>	<i>17.413.926.364</i>
<i>Hàng tạm nhập</i>	<i>3.715.945.456</i>	<i>57.360.000</i>
<i>Công ty CP Quan hệ quốc tế đầu tư sản xuất</i>	<i>32.000.000.000</i>	<i>26.000.000.000</i>
<i>Công ty TNHH Thương mại quốc tế Thùy Linh</i>	<i>470.000.000</i>	<i>470.000.000</i>
<i>Công ty TNHH Liên doanh Thái Bình Dương</i>	<i>27.702.926.090</i>	<i>20.000.000.000</i>
<i>Tiền thuế đất khách hàng thuê chuyển trả</i>	<i>95.719.741</i>	<i>113.358.137</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>48.952.799.737</i>	<i>20.531.007.152</i>
<b>Dài hạn</b>	<b>28.644.227.364</b>	<b>14.999.500.000</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	26.803.242.540	14.999.500.000
- Phải trả dài hạn khác	1.840.984.824	-
<b>Cộng</b>	<b>262.661.032.547</b>	<b>120.517.926.771</b>

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ  
MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH**  
Lô D, khu DL, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Nội dung	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>504.633.435.921</b>	<b>504.633.435.921</b>	<b>2.103.359.370.072</b>	<b>2.223.806.204.228</b>	<b>625.080.270.077</b>	<b>625.080.270.077</b>
Nghân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sông Công	-	-	-	11.191.406.094	11.191.406.094	11.191.406.094
Hợp đồng số 0307/2014-HĐTDHM/NHCT222-DISOCO	10.049.050.000	10.049.050.000	10.049.050.000	-	-	-
Nghân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	-	-	14.739.023.701	14.739.023.701	-	-
Hợp đồng số 1506-LAV-2015 (1)	-	-	9.880.000.000	9.880.000.000	-	-
Nghân hàng TMCP Công thương Việt Nam	30.939.458.630	30.939.458.630	117.314.105.812	116.881.333.807	30.506.686.625	30.506.686.625
Công ty CP Xây dựng và Phát triển đô thị Mê Kông	14.129.686.660	14.129.686.660	103.596.079.873	141.863.542.124	52.397.148.911	52.397.148.911
Nghân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Thái Nguyên	29.950.946.020	29.950.946.020	93.133.681.022	63.182.735.002	-	-
Hợp đồng số 01/2015/469346/HĐTD (3)	-	-	104.005.318.147	132.758.220.805	28.752.902.658	28.752.902.658
Nghân hàng Quốc tế Việt Nam	2.324.500.000	2.324.500.000	-	-	2.324.500.000	2.324.500.000
Hợp đồng số 0020DN/HĐTD/34 (4)	-	-	71.675.102	71.675.102	-	-
Nghân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam	-	-	235.669.403	235.669.403	-	-
Chi nhánh Công ty Mekong Auto	-	-	73.044.057.429	180.696.339.710	107.652.282.281	107.652.282.281
Nghân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	-	12.495.078.105	22.495.078.105	10.000.000.000	10.000.000.000
Nghân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	-	-	2.954.503.400	50.616.915.482	47.662.412.082	47.662.412.082
Nghân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đồng Nai	-	-	12.466.571.285	18.736.613.500	6.270.042.215	6.270.042.215
Nghân hàng TMCP Tiên Phong - CN Đồng Nai	-	-	-	-	-	-
Nghân hàng Quốc tế Việt Nam - CN Đồng Nai	-	-	-	-	-	-
Nghân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Đồng Nai	-	-	-	-	-	-



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2015

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ  
MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH**  
Lô D, khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Nội dung	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn (tiếp)</b>						
Nghân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 6 TP Hồ Chí Minh Hợp đồng số 14/58.0150/2014-HETDHH/NHCT1922-SVEAM (5)	152.566.852.169	152.566.852.169	445.154.535.119	292.587.682.950	-	-
Nghân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thăng Long Hợp đồng số 01/2015/161863/HETD (6)	31.582.121.340	31.582.121.340	180.484.868.850	210.244.861.655	61.342.114.145	61.342.114.145
Nghân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội Hợp đồng số 01/2015-HETDHH/NHCT106-MATEXIM (7)	18.161.250.250	18.161.250.250	61.818.895.910	64.360.897.760	20.703.252.100	20.703.252.100
Nghân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thăng Long Hợp đồng số 01/2015/161863/HETD (6)	41.426.266.000	41.426.266.000	137.648.594.750	131.577.284.125	35.354.955.375	35.354.955.375
Nghân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội Hợp đồng số 01/2015-HETDHH/NHCT106-MATEXIM (Vay USD) (7)	31.873.767.568	31.873.767.568	239.402.032.863	247.364.897.469	39.836.632.174	39.836.632.174
Nghân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thăng Long Hợp đồng số 01/2015/161863/HETD (Vay EUR) (6)	6.471.662.000	6.471.662.000	6.618.644.000	146.982.000	-	-
Nghân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Long Biên	-	-	-	11.192.037.660	11.192.037.660	11.192.037.660
Nghân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Hoàng Mai	1.427.000.000	1.427.000.000	-	2.500.000.000	3.927.000.000	3.927.000.000
Nghân hàng TMCP Quân đội	32.517.100.000	32.517.100.000	-	1.440.000.000	33.957.100.000	33.957.100.000
Nghân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sông Công	-	-	37.948.164.457	44.476.143.280	6.527.978.823	6.527.978.823
Nghân hàng Quốc tế Việt Nam - CN Thái Nguyên Hợp đồng số 0011DN/HETD/34/14	9.531.806.283	9.531.806.283	147.216.399.525	143.968.514.565	6.283.921.323	6.283.921.323
Nghân hàng TMCP Quân đội - CN Tây Hồ	-	-	122.192.239.899	147.905.405.320	25.713.165.421	25.713.165.421
Nghân hàng TNHH MTV Shinhan (8)	16.680.658.735	16.680.658.735	16.680.658.735	-	-	-
Vay các đối tượng khác	72.146.477.066	72.146.477.066	151.354.689.485	159.838.111.276	80.629.898.857	80.629.898.857
Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	2.854.833.200	2.854.833.200	2.854.833.200	2.854.833.333	2.854.833.333	2.854.833.333
Nghân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên Hợp đồng số 01.05.2014/HETD (9)	2.854.833.200	2.854.833.200	2.854.833.200	2.854.833.333	2.854.833.333	2.854.833.333

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2015

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ  
MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH**  
Lô D, khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Nội dung	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND		VND	
<b>Vay dài hạn</b>	<b>234.563.587.417</b>	<b>234.563.587.417</b>	<b>3.619.721.375</b>	<b>31.599.592.267</b>	<b>262.543.458.309</b>	<b>262.543.458.309</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên	11.419.333.600	11.419.333.600	-	2.854.833.067	14.274.166.667	14.274.166.667
Hợp đồng số 01.05.2014/HĐTD (9)	15.103.453.700	15.103.453.700	-	4.413.653.200	19.517.106.900	19.517.106.900
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Hà Nội	5.013.720.000	5.013.720.000	3.000.000.000	1.771.000.000	3.784.720.000	3.784.720.000
Hợp đồng số 108.14.8890/HĐTD/PGBHN (10)						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thăng Long	191.188.261.617	191.188.261.617	-	18.000.000.000	209.188.261.617	209.188.261.617
Hợp đồng số 01/2014/161863						
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Khu vực Bắc Kạn - Thái Nguyên	10.252.882.500	10.252.882.500	563.335.375	2.940.406.000	12.629.953.125	12.629.953.125
Hợp đồng số 63/2010/HĐTDĐT-NHPT (11)						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thăng Long	1.090.936.000	1.090.936.000	56.386.000	1.487.700.000	2.522.250.000	2.522.250.000
Hợp đồng số 2507/2013/HĐ (Vay USD) (12)	495.000.000	495.000.000	-	132.000.000	627.000.000	627.000.000
Kyoei Industrial Co.,Ltd (Vay USD)						
Vay các đối tượng khác						
<b>Cộng</b>	<b>739.197.023.338</b>	<b>739.197.023.338</b>	<b>2.106.979.091.447</b>	<b>2.255.405.796.495</b>	<b>887.623.728.386</b>	<b>887.623.728.386</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- (1) Là khoản vay của Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 1506-LAV-2015 ngày 03/12/2015 với số tiền vay là 10.049.050.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 5/2/2016, mục đích vay là để thanh toán tiền mua sắm phôi thép phục vụ sản xuất kinh doanh, lãi suất tiền vay là 5,5%/năm, hợp đồng được đảm bảo bằng hình thức cầm cố hợp đồng tiền gửi số 012015/HĐTĐ/NoTH-VEANTHD.
- (2) Là khoản vay của Công ty Cổ phần Cơ khí Phở Yên với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Sông Công theo Hợp đồng tín dụng số 025.300065998/2015-HĐTĐHM/NHCT222-CKPY ngày 19/06/2015. Hạn mức tín dụng 50.000.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 16/09/2015 đến hết ngày 31/08/2016. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh phù hợp với đăng ký kinh doanh của Công ty. Lãi suất cho vay là lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng. Khoản vay được đảm bảo bằng các hợp đồng bảo đảm.
- (3) Là khoản vay của Công ty Cổ phần Cơ khí Phở Yên với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Thái Nguyên theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2015/469346/HĐTĐ ngày 1/7/2015, hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 30/6/2016. Mục đích vay là để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C. Lãi suất cho vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng theo từng thời kỳ. Khoản vay được đảm bảo bởi tài sản cầm cố, thế chấp, toàn bộ số dư tài khoản tiền của bên vay tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng bảo đảm tiền vay riêng.
- (4) Là khoản vay của Công ty Cổ phần Cơ khí Phở Yên với Ngân hàng Quốc tế Việt Nam (VIB) theo Hợp đồng tín dụng số 0020DN/HĐTĐ/34 ngày 9/12/2014, hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 đồng, thời hạn duy trì tiền ích được ngân hàng xem xét định kỳ hàng năm vào thời điểm do VIB quyết định. Lãi suất áp dụng đối với các khoản rút vốn dưới tiện ích tín dụng ngắn hạn bằng lãi suất cho vay được tính bằng chi phí giá vốn tương ứng với kỳ điều chỉnh lãi suất cho VIB cộng biên độ, chịu sự điều chỉnh theo quy định và lãi suất với VIB từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật, lãi suất được điều chỉnh theo kỳ 1 tháng hoặc 3 tháng. Khoản vay được đảm bảo bởi các tài sản đảm bảo, theo đó đối với tài sản đảm bảo là hàng tồn kho: Hàng tồn kho chốt số dư tối thiểu 40 tỷ đồng, tỷ lệ cho vay là 50%; tài sản đảm bảo là quyền phải thu: ký hợp đồng thế chấp khung 2 bên giữa VIB và khách hàng.
- (5) Là khoản vay của Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 6 TP Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 14/58.0150/2014-HĐTĐHM/NHCT922-SVEAM tháng 12/2015 với hạn mức là tổng mức dư nợ vay cùng với các số dư L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay tại mọi thời điểm không vượt quá 150.000.000.000 đồng. Lãi suất: theo từng khế ước nhận nợ. Thời hạn vay 1 năm. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo: bất động sản và động sản như sau:
  - Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 15.69.0038/HĐTĐC tháng 6/2015 trị giá 2.254.000.000 đồng;
  - Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 14.69.0164/HĐTĐC tháng 12/2014 trị giá 15.892.000.000 đồng;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- Hợp đồng thế chấp số 15.69.0078/HĐTC tháng 6/2015 thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 445866, GCN, CT 13979, Hợp đồng thuê đất số 08/HĐTD ngày 29/3/2012 giữa Công ty và UBND tỉnh Đồng Nai trị giá 21.080.000.000 đồng;
  - Hợp đồng thế chấp số 15.59.0030/HĐTC tháng 4/2015 trị giá 110.000.000.000 đồng thế chấp toàn bộ thành phẩm và nguyên vật liệu tồn kho của Công ty tại kho của Công ty và bên thứ 3, Quyền tài sản (quyền đòi nợ, các quyền khác) đã phát sinh và sẽ phát sinh trong tương lai loại trừ khoản thu từ Agriculture Supply;
  - Hợp đồng số 15.69.0037/HĐTC tháng 5/2015 thế chấp bất động sản (đất thuê) trị giá 11.019.000.000 đồng;
  - Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 15.69.030 tháng 4/2015 trị giá 12.421.000.000 đồng.
- (6) Là khoản vay của Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị Toàn bộ với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/161863/HĐTD ngày 31/7/2015, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C; hạn mức cho vay tối đa là 155.000.000.000 VND; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này; lãi suất cho vay được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ; hình thức đảm bảo khoản vay: tài sản đảm bảo là Trụ sở văn phòng công ty được xây dựng trên thửa đất có diện tích 6.576 m<sup>2</sup> tại Km số 3 đường Phạm Văn Đồng - Phường Cổ Nhuế 1 - Quận Bắc Từ Liêm - TP Hà Nội theo hợp đồng thế chấp số 608 Quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/5/2014.
- (7) Là khoản vay của Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị Toàn bộ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội theo Hợp đồng số 01/2015-HĐTDHM/NHCT106-MATEXIM ngày 13/8/2015, thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 13/8/2015 đến ngày 15/8/2016, tổng mức dư nợ vay không vượt quá 200.000.000.000 VND; mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo: tài sản trên đất tại xã Phú Diễn - Từ Liêm - Hà Nội theo hợp đồng thế chấp số 01-2013/HĐTC/NHCT-MATEXIM ký ngày 26/8/2013 và Quyền phải thu phát sinh từ các HĐKT NHCT tài trợ vốn theo Hợp đồng thế chấp số 01/2014/HĐTC-MATEXIM ký ngày 15/7/2014.
- (8) Là khoản vay của Công ty Cổ phần Phụ tùng Máy số 1 với Ngân hàng TNHH MTV Shinhan theo Hợp đồng tín dụng số 130000324679 ngày 27/10/2015 với giá trị 22.000.000.000 đồng, thời hạn 1 năm kể từ ngày ký kết, lãi suất là MM rate cộng (+) biên độ tương đương với MM rate 3 tháng cộng (+) 0,2%/năm. Biên độ cho từng khoản rút vốn sẽ được ngân hàng thông báo và áp dụng vào ngày rút vốn. Bao gồm:
- Lần vay số 01 ngày 29/10/2015: giá trị 8.009.040.166 đồng, thời hạn 3 tháng, lãi suất là MM rate 3 tháng cộng (+) 0,2%/năm;
  - Lần vay số 02 ngày 06/11/2015: giá trị 5.139.474.008 đồng, thời hạn 3 tháng, lãi suất là MM rate 3 tháng cộng (+) 0,2%/năm;
  - Lần vay số 03 ngày 18/11/2015: giá trị 3.532.144.561 đồng, thời hạn 3 tháng, lãi suất là MM rate 3 tháng cộng (+) 0,2%/năm.
- (9) Là khoản vay dài hạn của Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng số 01.05.2014/HĐTD ngày 19/5/2014. Số gốc vay: 17.743.000.000 VND, thời hạn vay 7 năm, Mục đích vay: Nhận lại nợ vay theo phương án xử lý nợ vay lại theo nguồn vốn ODA Italia của dự án động cơ xăng nhỏ, lãi suất 0%/năm, tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản và các khoản công nợ phải thu của Công ty; Kế hoạch trả nợ: trong thời gian 6 năm chia đều cho 12 kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- (10) Là khoản vay của Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ với Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - CN Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 108.14.8890/HĐTD/PGBHN ngày 25/6/2014, mục đích vay: tái tài trợ dự án đầu tư khai thác và chế biến quặng sắt tại Bắc Kạn, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Hình thức đảm bảo khoản vay: 2.136.960 cổ phiếu PGI tại Tổng công ty Bảo hiểm Petrolimex - Pijco với tổng giá trị theo Biên bản định giá tài sản là 20.301.120.000 VND.
- (11) Là khoản vay dài hạn của Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Khu vực Bắc Kạn - Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng đầu tư số 63/2010/HĐTĐĐT-NHPT ngày 29/10/2010, mục đích sử dụng tiền vay là để thực hiện đầu tư xây dựng các hạng mục xây lắp, thiết bị của dự án Nhà máy luyện kim phi cốc. Số tiền vay theo hợp đồng là 335.348.000.000 VND; Thời hạn vay là 9,5 năm kể từ ngày rút vốn lần đầu.
- (12) Là khoản vay của Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng số 2507/2013/HĐ, tổng số tiền vay là 684.950 USD, mục đích vay: nhập khẩu dây chuyền sản xuất bao nung SiC, thời hạn vay: 6 tháng, ân hạn 6 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên; lãi suất cho vay trong hạn: điều chỉnh 3 tháng 1 lần, lãi suất tại thời điểm rút vốn vay lần đầu là 6,5%/năm; kỳ điều chỉnh lãi suất cố định tiếp theo cố định vào ngày 10 của kỳ điều chỉnh. Lãi suất áp dụng do Ngân hàng công bố vào thời điểm điều chỉnh, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Hình thức đảm bảo khoản vay: Bảo đảm bằng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận đầu tư số CA 231128, vào hồ sơ gốc số CT 01476.QSĐĐ do UBND TP Hà Nội cấp ngày 26/5/2015 tại Phường Cổ Nhuế 1 - Quận Bắc Từ Liêm - TP Hà Nội, diện tích đất thế chấp 6.576 m<sup>2</sup> tại Phường Cổ Nhuế 1 - Quận Bắc Từ Liêm - TP Hà Nội, tổng giá trị tài sản 96.863.000.000 VND; thế chấp tài sản từ vốn vay là 02 xe ô tô tải đóng thùng với giá trị tạm tính là 1.799.000.000 VND; thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ giá trị dây chuyền và giá trị phần xây dựng tạm tính là 24.514.000.000 VND.

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**21.1 CHI TIẾT ĐẦU TƯ CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - Công ty TNHH (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp, là doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương), được thành lập theo Quyết định số 1119/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ Công nghiệp, được chuyển đổi sang hoạt động theo hình thức Công ty Mẹ - Công ty Con theo Quyết định số 3367/QĐ - BCT ngày 25/06/2010 của Bộ Công thương. Hiện tại, Tổng Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 05 ngày 08/04/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 2.372.348.812.298 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**21.2 CÁC QUỸ**

	<b>31/12/2015</b>	<b>01/01/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quỹ đầu tư phát triển	1.246.674.081.717	1.106.205.369.477
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	50.724.653.382	50.317.744.835
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	435.600.744	285.828.718

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP  
VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH**

Lô D, Khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2015

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**21.3 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khóa mục	Vốn đầu tư		Thặng dư vốn		Vốn khác của chủ sở hữu		Chênh lệch đánh giá lại tài sản		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN		Quỹ khác thuộc YCSH		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2014	4.452.557.718.910	-	-	-	-	-	-	-	-	-	979.568.995.121	49.808.827.426	45.087.385	5.298.056.778.476	238.747.005.321	249.727.599.567	-	-	-	-	-	-	11.268.512.012.206	
- Tăng vốn trong năm	88.683.206.318	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	88.683.206.318	
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.325.094.206.962	-	-	-	-	-	-	-	-	3.325.094.206.962	
- Tăng do hợp nhất	-	330.736.794	-	-	-	-	-	-	-	-	101.212.292.591	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	106.604.162.031	
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát phát sinh trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.502.466.574)	
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.801.291.020	508.917.409	-	3.443.769.871	-	-	-	-	-	-	-	-	6.753.978.300	
- Nộp lợi nhuận theo TT 18/72013/TT-BTC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(655.779.570.499)	-	-	-	-	-	-	-	-	(655.779.570.499)	
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	201.898.072.860	-	-	238.183.333	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(34.237.825.574)	
- Giảm do hợp nhất	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(177.590.998.315)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(177.590.998.315)	
- LNST của Cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.381.547.659	-	-	-	-	4.381.547.659	
- Giảm khác	(2.723.607.392)	(330.736.794)	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.684.283.800)	-	(17.442.000)	-	-	-	-	-	-	(12.152.726.431)	-	-	(16.908.796.417)	
31/12/2014	4.538.517.317.836	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.106.205.369.477	50.317.744.835	285.828.718	7.744.063.783.348	226.594.278.890	248.255.132.993	-	-	-	-	-	-	13.914.209.456.097	

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP  
VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH**  
Lô D, khu D1, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**21.3 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Chênh lệch đánh giá lại tài sản		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN		Quỹ khác thuộc VCSH		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát		Tổng cộng	
	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD	VND	USD
01/01/2015	4.538.517.317,836	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.106.205.369,477	50.317.744,835	285.828,718	7.744.063.783,348	216.594.278,890	248.225.137,993	13.914.309.456,097	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9.259.178,482	-	-	-	-	-	-	9.259.178,482
- Thặng dư vốn cổ phần tại Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ	-	-	-	-	33.217.885,047	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	33.217.885,047
- Điều chỉnh theo kết quả XBGT/DN	362.694.306,501	-	-	-	-	-	7.141.752,076,294	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7.504.446.382,795
- CLTG phát sinh khi chuyển đổi đơn vị tiền tệ của Vietnam Korea	-	-	-	-	-	-	-	-	5.274.633,741	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.274.633,741
- Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.025.804.581,484	-	-	-	4.372.961.303,273	-	-	-	-	-	-	4.372.961.303,273
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.025.804.581,484
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát phát sinh trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(42.117.374,108)
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	406.908,547	-	149.772,026	-	-	-	-	-	-	-	32.581.413,218
- Điều chỉnh do Hợp nhất	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.692.240,000	406.908,547	-	-	-	-	-	30.332.492,645	-	-	-	-	-	(7.476.603,651,552)
- Phân phối lợi nhuận, chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(51.617.464,244)	-	-	-	-	-	(743.524,220,278)	-	-	-	-	-	-	(1.178.542,551,342)
- Truy thu Thuế Nhập khẩu, Thuế GTGT năm 2014	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.161.870,612)	-	-	-	-	-	(2.161.870,612)
- Nộp về NSNN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.079.974,468,755)	-	-	-	-	-	(2.834.874,468,755)
- Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho năm 2014 của Nhà máy Ô tô VEAM	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(754.900,000,000)	-	-	-	-	-	(28.932,214,581)	-	-	-	-	-	-	(28.932,214,581)
- Điều chỉnh theo Thanh tra Bộ tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(35.071.124,000)	-	-	-	-	-	(14.949,001,308)	-	-	-	-	-	-	(50.020,125,308)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(10.629,143,859)	-	-	-	(45.439,521,000)	-	-	-	-	-	(17.836,065,585)	-	-	-	-	-	-	(73.594,730,444)
<b>31/12/2015</b>	<b>4.901.211.624,337</b>	-	-	-	<b>300.094.577,774</b>	<b>457.523.564,142</b>	<b>4.694.424,029</b>	<b>1.246.674,081,717</b>	<b>4.694.424,029</b>	<b>435.600,744</b>	<b>50.724.653,582</b>	<b>295.828,718</b>	<b>8.081.437,186,805</b>	<b>231.594.278,890</b>	<b>206.107,758,885</b>	<b>15.210.597.847,435</b>	-	-	-	-	-	-	-	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	2.960.713.332	465.232.260
Ngoại tệ các loại		
- Ngoại tệ USD	706.533,09	661.346,92
- Ngoại tệ EUR	-	250,00
- Ngoại tệ JPY	1.315.099	32.879
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)	197.194.000	197.194.000
Tài sản nhận giữ hộ (VND)		
- Hàng tồn kho	16.808.941.106	-
- Tài sản cố định	491.027.736	-

**23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2014</u> <u>VND</u>
<b>Doanh thu</b>		
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	5.590.989.636.857	4.794.009.805.276
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	167.012.426.710	170.912.114.231
- Doanh thu thành phẩm xuất khẩu	59.481.889.440	66.265.799.378
- Doanh thu hoạt động thương mại	12.777.263.522	14.176.227.628
- Doanh thu hoạt động vận tải	52.593.716.518	43.050.316.565
- Doanh thu khác	16.280.513.277	9.781.321.185
<b>Cộng</b>	<u><u>5.899.135.446.324</u></u>	<u><u>5.098.195.584.263</u></u>

**24. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	<u>Năm 2015</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2014</u> <u>VND</u>
- Hàng bán bị trả lại	5.171.669.523	11.217.352.951
- Chiết khấu thương mại	507.085.318	239.923.300
- Giảm giá hàng bán	193.559.580	345.894.772
<b>Cộng</b>	<u><u>5.872.314.421</u></u>	<u><u>11.803.171.023</u></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	4.992.407.357.939	4.385.103.600.290
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	144.333.524.390	155.081.307.446
- Giá vốn thành phẩm xuất khẩu	57.991.394.702	61.264.589.750
- Giá vốn hoạt động thương mại	12.036.972.500	13.857.711.269
- Giá vốn hoạt động vận tải	46.542.256.178	38.661.289.552
- Giá vốn khác	14.395.399.987	6.439.078.395
<b>Cộng</b>	<b>5.267.706.905.696</b>	<b>4.660.407.576.702</b>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	50.296.945.076	14.675.210.523
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.790.649.701	1.302.230.330
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	964.580.669	-
- Lãi trả chậm	54.594.663	-
- Cổ tức, lãi từ hoạt động đầu tư tài chính	12.452.023.658	88.000.000
- Lãi bán ngoại tệ	590.693.670	339.609.629
- Doanh thu tài chính khác	2.127.286.358	-
<b>Cộng</b>	<b>73.276.773.795</b>	<b>16.405.050.482</b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
- Chi phí lãi vay	32.206.728.973	34.901.952.046
- Lỗ bán ngoại tệ	-	107.300.410
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.054.187.341	4.096.972.203
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	385.628.983	30.111.218
- Xử lý các khoản hoàn nhập dự phòng	96.567.555.797	-
- Chi phí tài chính khác tại Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ	4.025.799.793	-
- Chi phí tài chính khác	3.477.811.374	4.933.106.877
<b>Cộng</b>	<b>149.717.712.261</b>	<b>44.069.442.754</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**28. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
- Thanh lý tài sản cố định	4.790.300.078	21.146.539.571
- Bán phối phế liệu	971.143.785	17.619.019.597
- Phế liệu thu hồi	14.167.460.356	14.086.779.889
- Xử lý hàng tồn kho	-	299.528.023
- Thu tiền hoàn thuế	184.681.683	9.382.637.060
- Thu tiền đền bù, bồi thường thiệt hại	152.160.000	227.936.110
- Xoá nợ từ vốn vay ODA	-	17.825.282.335
- Tiền đền bù tài sản trên đất số 114 Mai Hắc Đế	-	10.224.874.300
- Các khoản hỗ trợ	621.050.000	-
- Thu nhập từ kinh doanh BĐS	68.352.198.267	-
- Tiền đặt cọc của khách hàng từ chối trúng đấu giá	150.000.000	-
- Tiền hỗ trợ di dời	22.523.525.226	-
- Chi phí thuê cơ sở hạ tầng được giảm	498.734.181	-
- ISEKI hỗ trợ lô 60 máy kéo	552.153.360	-
- Hàng phi mậu dịch	110.093.925	-
- Thu nhập từ hàng được biếu tặng	1.134.301.917	-
- Thu nhập từ bán bã sắn	2.084.436.800	-
- Thu nhập khác tại Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ	1.529.755.969	-
- Thu nhập khác	2.516.553.308	32.719.791.437
<b>Cộng</b>	<b>120.338.548.855</b>	<b>123.532.388.322</b>

**29. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
- Thanh lý TSCĐ	6.992.964.808	17.492.056.193
- Khấu hao tài sản cố định không sử dụng	3.046.296.152	3.070.177.567
- Các khoản phạt chậm nộp	930.071.368	106.485.365
- Chi phí vận hành, chạy thử tài sản	-	9.232.731.555
- Phạt chậm nộp tiền thuê đất	455.390.892	-
- Chi tổ chức lễ kỷ niệm thành lập công ty	332.956.927	-
- Quà tặng cho lễ kỷ niệm thành lập công ty	485.525.000	-
- Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	65.909.163.383	-
- Xử lý công nợ	44.119.561	-
- Thuế TNCN của nhà thầu	1.195.733.129	-
- Tiền trông coi trạm ATM	11.000.000	-
- Giảm nguyên giá TSCĐ	86.967.500	-
- Chi phí bao bì, bốc xếp bã sắn	977.099.279	-
- Chi phí nhân công bốc xếp bã sắn	667.391.700	-
- Chi phí khác tại Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ	108.510.643	-
- Chi phí khác	2.005.734.500	16.314.406.837
<b>Cộng</b>	<b>83.248.924.842</b>	<b>46.215.857.517</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<b>Năm 2015</b>
	<b>VND</b>
<b>Tổng lợi nhuận chịu thuế năm 2015</b>	<b>121.853.757.040</b>
- Tại Tổng Công ty	14.837.656.929
- Tại Công ty CP Cơ khí Chính xác số 1	6.152.249.002
- Tại Công ty CP Cơ khí Phở Yên	16.772.010.444
- Tại Công ty CP Phụ tùng máy số 1	63.949.288.731
- Tại Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ	2.868.840.280
- Tại Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	13.639.276.717
- Tại Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông	2.795.808.014
- Tại Viện Công nghệ	838.626.923
<b>Thuế suất thuế TNDN hiện hành</b>	<b>22%</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>26.807.826.547</b>
<b>Cộng</b>	<b>26.807.826.547</b>

**31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(59.686.882.346)	(16.478.871)
<b>Cộng</b>	<b>(59.686.882.346)</b>	<b>(16.478.871)</b>

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên góp vốn thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm các khoản nợ thuần và phần vốn góp của các thành viên góp vốn của Tổng Công ty gồm vốn góp các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.16.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.029.862.327.913	1.242.702.487.162
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	482.000.000.000	74.857.562.419
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.843.095.407.672	1.604.958.866.078
Dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn	(179.087.130.993)	(260.703.412.372)
Đầu tư dài hạn	29.830.302.443	30.251.744.976
<b>Cộng</b>	<b>3.205.700.907.035</b>	<b>2.692.067.248.263</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	739.197.023.338	887.623.728.386
Phải trả người bán và phải trả khác	692.888.141.255	523.044.940.450
Chi phí phải trả	55.765.262.400	27.297.014.821
<b>Cộng</b>	<b>1.487.850.426.993</b>	<b>1.437.965.683.657</b>
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>1.717.850.480.042</b>	<b>1.254.101.564.606</b>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay, lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**Quản lý rủi ro về giá**

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Mục tiêu quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả; trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối năm tài chính. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	Dưới 1 năm VND	Từ trên 1 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2015</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	504.633.435.921	234.563.587.417	739.197.023.338
Phải trả người bán và phải trả khác	664.243.913.891	28.644.227.364	692.888.141.255
Chi phí phải trả	55.065.262.400	700.000.000	55.765.262.400
<b>Cộng</b>	<b>1.223.942.612.212</b>	<b>263.907.814.781</b>	<b>1.487.850.426.993</b>
<b>01/01/2015</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	625.080.270.077	262.543.458.309	887.623.728.386
Phải trả người bán và phải trả khác	508.045.440.450	14.999.500.000	523.044.940.450
Chi phí phải trả	27.297.014.821	-	27.297.014.821
<b>Cộng</b>	<b>1.160.422.725.348</b>	<b>277.542.958.309</b>	<b>1.437.965.683.657</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ trên 1 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.029.862.327.913	-	1.029.862.327.913
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	482.000.000.000	-	482.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.656.676.312.861	7.331.963.818	1.664.008.276.679
Đầu tư dài hạn	-	29.830.302.443	29.830.302.443
<b>Cộng</b>	<b>3.168.538.640.774</b>	<b>37.162.266.261</b>	<b>3.205.700.907.035</b>
<b>01/01/2015</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.242.702.487.162	-	1.242.702.487.162
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	74.857.562.419	-	74.857.562.419
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.344.009.181.100	246.272.606	1.344.255.453.706
Đầu tư dài hạn	-	30.251.744.976	30.251.744.976
<b>Cộng</b>	<b>2.661.569.230.681</b>	<b>30.498.017.582</b>	<b>2.692.067.248.263</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**33. SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ngày 05/04/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 5621/QĐ - TTg về việc phê duyệt Phương án Cổ phần hoá cho Công ty Mẹ - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam với các nội dung chính như sau:

- Loại hình hoạt động: Công ty Cổ phần;
- Hình thức Cổ phần hoá: Kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ;
- Vốn điều lệ: 13.288.000.000.000 đồng (Mười ba nghìn hai trăm tám mươi tám tỷ đồng) tương đương 1.328.800.000 cổ phần;
- Cơ cấu vốn điều lệ: Tổng số cổ phần: 1.328.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng, trong đó:
  - + Cổ phần Nhà nước nắm giữ là 677.688.000 cổ phần, chiếm 51% vốn điều lệ;
  - + Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động: 5.669.100 cổ phần, chiếm 0,43% vốn điều lệ. Trong đó, cổ phần được mua ưu đãi là 3.593.400 cổ phần và cổ phần được mua thêm là 2.075.700 cổ phần;
  - + Cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược là 478.368.000 cổ phần, chiếm 36% vốn điều lệ;
  - + Cổ phần bán đấu giá công khai ra ngoài Doanh nghiệp là 167.074.900 cổ phần, chiếm 12,57% vốn điều lệ.

**34. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận lĩnh vực hoạt động của Tổng Công ty là Báo cáo chính yếu, báo cáo bộ phận thứ yếu trình bày theo khu vực địa lý. Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của các khách hàng tại Việt Nam. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực hoạt động:



**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ  
MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH**  
Lô D, khu D1, phường Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**34. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Năm 2015	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm		Doanh thu cung cấp dịch vụ		Doanh thu thành phẩm xuất khẩu		Doanh thu hoạt động thương mại		Doanh thu hoạt động vận tải		Doanh thu hoạt động khác		Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND		
Doanh thu thuần	5.987.524.114.078	167.012.426.710	59.481.889.440	12.777.263.522	52.593.716.518	16.280.513.277	(402.406.791.642)	5.893.263.131.903						
<i>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>5.987.524.114.078</i>	<i>167.012.426.710</i>	<i>59.481.889.440</i>	<i>12.777.263.522</i>	<i>52.593.716.518</i>	<i>16.280.513.277</i>	<i>(402.406.791.642)</i>	<i>5.893.263.131.903</i>						
Chi phí bộ phận	5.394.814.149.581	144.333.524.390	57.991.394.702	12.036.972.500	46.542.256.178	14.395.399.987	(402.406.791.642)	5.267.706.905.696						
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	592.709.964.497	22.678.902.320	1.490.494.738	740.291.022	6.051.460.340	1.885.113.290	-	625.556.226.207						
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận								(839.361.243.281)						
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh								(213.805.017.074)						
Doanh thu hoạt động tài chính								73.276.773.795						
Chi phí tài chính								(149.717.712.261)						
Thu nhập khác								120.338.548.855						
Chi phí khác								(83.248.924.842)						
Lợi nhuận/lỗ trong công ty liên kết liên doanh								4.590.293.134.539						
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành								(26.807.826.547)						
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại								59.686.882.346						
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>								<i>4.370.015.858.810</i>						

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ  
MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH**  
Lô D, khu D1, phường Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**34. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Năm 2014	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm		Doanh thu cung cấp dịch vụ		Doanh thu thành phẩm xuất khẩu		Doanh thu hoạt động thương mại		Doanh thu hoạt động vận tải		Doanh thu hoạt động khác		Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND		
Doanh thu thuần	5.003.262.280.864	170.912.114.231	66.265.799.378	14.176.227.628	43.050.316.565	9.781.321.185	5.086.392.413.240							
<i>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<i>5.003.262.280.864</i>	<i>170.912.114.231</i>	<i>66.265.799.378</i>	<i>14.176.227.628</i>	<i>43.050.316.565</i>	<i>9.781.321.185</i>	<i>5.086.392.413.240</i>							
Chi phí bộ phận	4.606.159.246.901	155.081.307.446	61.264.589.750	13.857.711.269	38.661.289.552	6.439.078.395	4.660.407.576.702							
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	397.103.033.963	15.830.806.785	5.001.209.628	318.516.359	4.389.027.013	3.342.242.790	425.984.836.538							
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							(623.952.211.167)							
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							(197.967.374.629)							
Doanh thu hoạt động tài chính							16.405.050.482							
Chi phí tài chính							(44.069.442.754)							
Thu nhập khác							123.532.388.322							
Chi phí khác							(46.215.857.517)							
Lợi nhuận/lỗ trong công ty liên kết liên doanh							3.492.231.528.786							
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							(18.838.564.599)							
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							16.478.871							
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>							<i>3.323.094.206.962</i>							

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP  
VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH**

Lô D, khu D1, phường Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2015

**35. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Tổng Công ty đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2015 đã được trình bày lại cho phù hợp Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Mã số	Khoản mục	Số tiền		Mã số	Khoản mục	Số tiền	
		VND	VND			VND	VND
135	Phải thu ngắn hạn khác	43.987.065.156	136	Phải thu ngắn hạn khác	61.933.483.359		
158	Tài sản ngắn hạn khác	19.415.379.296	139	Tài sản thiếu chờ xử lý	1.468.961.093		
218	Phải thu dài hạn khác	143.486.577.499	155	Tài sản ngắn hạn khác	-		
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	181.879.901.444	216	Phải thu dài hạn khác	146.425.264.541		
268	Tài sản dài hạn khác	4.483.386.042	242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	181.879.901.444		
			268	Tài sản dài hạn khác	1.544.699.000		
311	Vay và nợ ngắn hạn	625.080.270.077	320	Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	625.080.270.077		
312	Phải trả người bán	402.527.013.679	311	Phải trả người bán ngắn hạn	402.527.013.679		
316	Chi phí phải trả	27.297.014.821	315	Chi phí phải trả ngắn hạn	27.297.014.821		
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	105.518.426.771	319	Phải trả ngắn hạn khác	105.518.426.771		
333	Phải trả dài hạn khác	14.999.500.000	337	Phải trả dài hạn khác	14.999.500.000		
334	Vay và nợ dài hạn	262.543.458.309	338	Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	262.543.458.309		
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	4.538.517.317.836	411	Vốn góp của chủ sở hữu	4.538.517.317.836		
417	Quỹ đầu tư phát triển	1.106.205.369.477	418	Quỹ đầu tư phát triển	1.106.205.369.477		
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	7.744.063.783.348	421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	7.744.063.783.348		
			421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	4.405.883.126.210		
			421b	- LNST chưa phân phối năm nay	3.338.180.657.138		



**Trần Ngọc Hà**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 05 tháng 08 năm 2016

**Trần Anh Sơn**  
Trưởng phòng Tài chính  
Kế toán

**Vũ Thị Hồng Hạnh**  
Người lập

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP  
VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH**

Lô D, khu D1, phường Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2015

**PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP CÁC Ý KIẾN KIỂM TOÁN NGOẠI TRỪ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY  
31/12/2015 CỦA CÁC CÔNG TY CON**

(Phụ lục này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo kiểm toán)

STT	Tên Công ty Con	Đơn vị thực hiện kiểm toán	Nội dung/Vấn đề ngoại trừ	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa	Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Định giá ACC Việt Nam	<p>Tại thời điểm 31/12/2015 còn một số khoản công nợ phải thu, phải trả Công ty chưa thực hiện đối chiếu xác nhận số dư cuối năm. Đồng thời Công ty chưa tiến hành phân loại tuổi nợ các khoản công nợ phải thu làm căn cứ trích lập dự phòng theo quy định;</p> <p>Việc xác định giá trị của các sản phẩm dở dang của Công ty dựa theo tỷ lệ phần trăm cố định.</p>	
2	Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt	<p>Kiểm toán viên được bổ nhiệm làm kiểm toán sau ngày 31/12/2015, do đó, Kiểm toán viên không thể tham gia chứng kiến công tác kiểm kê hàng tồn kho tại thời điểm đầu năm và cuối năm. Bảng các thủ tục kiểm toán thay thế Kiểm toán viên cũng không thể đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2015 với giá trị là 20.483.196.367 đồng (tại thời điểm 31/12/2014 là 16.978.872.918 đồng). Do vậy, Kiểm toán viên không thể xác định được các điều chỉnh cần thiết đối với hàng tồn kho đã được ghi nhận và chưa được ghi nhận, cũng như các yếu tố có liên quan của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;</p> <p>Tại thời điểm kiểm toán, Kiểm toán viên chưa thu thập được hồ sơ liên quan đến các khoản vay ngắn hạn được trình bày trên Bảng cân đối kế toán với số tiền là 10.085.578.474 đồng. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép Kiểm toán viên kiểm tra được tính đúng đắn của số dư của các khoản vay ngắn hạn nêu trên cũng như chi phí lãi vay ghi nhận trong năm. Do vậy, Kiểm toán viên không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với số dư vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2015, chi phí tài chính phát sinh trong năm cũng như các yếu tố có liên quan của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.</p>	

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP  
VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH**

Lô D, khu D1, phường Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2015

**PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP CÁC Ý KIẾN KIỂM TOÁN NGOẠI TRỪ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY  
31/12/2015 CỦA CÁC CÔNG TY CON (TIẾP)**

(Phụ lục này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo kiểm toán)

STT	Tên Công ty Con	Đơn vị thực hiện kiểm toán	Nội dung/Vấn đề ngoại trừ	Ghi chú
3	Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toán bộ	Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Định giá ACC Việt Nam	<p>Báo cáo tài chính của Công ty được tổng hợp từ số liệu văn phòng Công ty và các đơn vị hạch toán trực thuộc. Tuy nhiên, Kiểm toán viên chỉ thực hiện kiểm toán số liệu đối với Văn phòng Công ty. Số liệu tại các Chi nhánh và Xí nghiệp trực thuộc Công ty, Kiểm toán viên căn cứ vào Báo cáo tài chính của các đơn vị do Công ty cung cấp. Đồng thời, Báo cáo tài chính được kiểm toán là Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toán bộ;</p> <p>Tại thời điểm 31/12/2015, Kiểm toán viên không tham gia chứng kiến kiểm kê Tiền mặt, Hàng tồn kho và Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Văn phòng Công ty. Theo đó, số liệu của khoản mục Tiền mặt, Hàng tồn kho, Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được căn cứ theo số dư trên Báo cáo tài chính tại thời điểm ngày 31/12/2015 của Văn phòng Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toán bộ;</p> <p>Đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa đổi chiếu, xác nhận đầy đủ các khoản Phải trả người bán, trả trước cho người bán. Đồng thời, Công ty chưa tiến hành theo dõi tuổi nợ làm căn cứ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định hiện hành;</p> <p>Công ty đang theo dõi một số khoản chi phí trên tài khoản 242 "Chi phí trả trước" mà chưa thực hiện hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.</p>	
4	Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Định giá ACC Việt Nam		Chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung của sản phẩm dở dang cuối kỳ được tính theo định mức của Công ty. Kiểm toán viên chưa thu thập được đầy đủ cơ sở cho việc xác định giá trị dở dang.

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP  
VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH**

Lô D, khu D1, phường Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2015

**PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP CÁC Ý KIẾN KIỂM TOÁN NGOẠI TRƯ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY  
31/12/2015 CỦA CÁC CÔNG TY CON (TIẾP)**

*(Phụ lục này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo kiểm toán)*

STT	Tên Công ty Con	Đơn vị thực hiện kiểm toán	Nội dung/Vấn đề ngoại trừ	Ghi chú
5	Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam	<p>Tại thời điểm kiểm toán, Kiểm toán viên chưa được cung cấp hồ sơ về khoản góp vốn liên doanh của Công ty với giá trị 720.000.000 đồng với Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Thủy Linh để hình thành nhà nghỉ tại Thị xã Sầm Sơn tỉnh Thanh Hóa. Kiểm toán viên đã áp dụng các thủ tục kiểm toán thay thế nhưng các thủ tục này không đem lại cho Kiểm toán viên các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp nhằm đưa ra ý kiến về số dư khoản mục nêu trên được trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty;</p> <p>Tại thời điểm kết thúc năm tài chính 31/12/2015, Kiểm toán viên chưa nhận được đầy đủ thư xác nhận số dư công nợ phải thu khách hàng, phải trả người bán. Kiểm toán viên đã thực hiện các thủ tục kiểm tra bổ sung, thay thế để xem xét số dư này, tuy nhiên các thủ tục do Kiểm toán viên thực hiện chưa giúp Kiểm toán viên có được đầy đủ các bằng chứng cần thiết. Do vậy, Kiểm toán viên không thể đưa ra ý kiến về tính đúng đắn về số dư nợ phải thu, phải trả nêu trên, cũng như ảnh hưởng (nếu có) của chúng tới các khoản mục khác và thông tin có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty.</p>	
6	Công ty TNHH Nhà nước MTV Diesel Sông Công	Công ty TNHH Kiểm toán Việt	<p>Trong khi chờ Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam phê duyệt quyết toán và phân phối các quỹ năm 2015, Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế 2015 vào các quỹ theo hướng dẫn của Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ. Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán năm 2015, Kiểm toán viên chưa nhận được các Quyết định phê duyệt xếp loại doanh nghiệp và đồng ý phân phối lợi nhuận năm 2015 từ Tổng Công ty Máy động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam. Theo đó, Kiểm toán viên không đưa ra ý kiến nhận xét về việc tạm phân phối lợi nhuận năm 2015 của Công ty và ảnh hưởng của nó đến các chỉ tiêu khác được trình bày trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty.</p>	

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP  
VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH**

Lô D, khu D1, phường Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2015

**PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP CÁC Ý KIẾN KIỂM TOÁN NGOẠI TRỪ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY  
31/12/2015 CỦA CÁC CÔNG TY CON (TIẾP)**

(Phụ lục này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo kiểm toán)

STT	Tên Công ty Con	Đơn vị thực hiện kiểm toán	Nội dung/Vấn đề ngoại trừ	Ghi chú
7	Công ty TNHH MTV Động cơ và máy Nông nghiệp Miền Nam	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Phan Dũng	Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, Kiểm toán viên chưa nhận được thư xác nhận đối với khoản phải thu Công ty Agriculture Supply Co.,Ltd với số dư tại ngày 31/12/2015 là 70.006.844.759 đồng (nguyên tệ là 3.295.060 USD). Đối với khoản phải thu này, Công ty đã không đánh giá lại chênh lệch tỷ giá tại ngày 31/12/2015, Kiểm toán viên ước tính chênh lệch tỷ giá phát sinh là 3.967.252.241 đồng, cũng như không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, số tiền 70.006.844.759 đồng. Theo giải trình của Công ty, do đã chốt giá trị tài sản sau khi cổ phần hóa và Tổng Công ty sẽ tiếp nhận khoản nợ khó đòi này từ Công ty theo Công văn số 9681/VPCP-ĐMDN ngày 18/11/2015 của Văn phòng Chính phủ. Tuy nhiên, đến ngày 31/12/2015, khoản nợ phải thu này vẫn chưa được chuyển giao.	
8	Viện Công nghệ	Chi nhánh - Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Thành phố Hồ Chí Minh	Tại thời điểm 31/12/2015, Viện Công nghệ chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ Phải thu khách hàng và phải thu khác. Kiểm toán viên ước tính số dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập cho năm 2015 là 1.958.816.403 đồng;  Trong năm 2015, Viện Công nghệ đang chi quá quỹ lương đã trích số tiền là 1.288.530.324 đồng, Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh (là Công ty con của Viện Công nghệ) đang chi quá quỹ lương đã trích với số tiền 682.429.788 đồng;  Do được bổ nhiệm là Kiểm toán viên của Công ty TNHH MTV Cơ khí Mê Linh sau ngày 31/12/2015, Kiểm toán viên của Công ty không tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho, tài sản cố định và tài sản dài hạn khác của Công ty. Đồng thời, Công ty chưa theo dõi tuổi nợ làm căn cứ trích lập dự phòng đối với các khoản phải thu khách hàng và trích lập dự phòng đối với khoản mục hàng tồn kho. Kiểm toán viên của Công ty không đưa ra ý kiến nhận xét về các khoản mục này cũng như ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty.	